

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Quyết.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lường Thị Khuyên.

2. Bà Trần Thị Kim Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:
Ông Sộng Nỗ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “*Xin ly hôn*”. Theo quyết định xét xử số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST- HNGĐ ngày 09/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1992.

Trú tại: Bản C, xã H, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Giàng A D, sinh năm 1989.

Trú tại: Bản P, xã N, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 18/10/2021 nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày: Chị và anh Giàng A D chung sống với nhau từ năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống với nhau như vợ chồng, anh chị sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không cùng nhau lo cho con cái, anh D hay bỏ nhà đi không lý do và khi về nhà thường xuyên bạo lực, đánh chửi chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay và không còn quan tâm đến

cuộc sống của nhau. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Giàng A Q, sinh ngày 18/12/2010 và Giàng Thị Mai N, sinh ngày 26/5/2012, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không đề nghị anh D phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung khi ly hôn.

Về nợ chung: Chị và anh D không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc và tình hình dịch bệnh COVID 19 diễn biến phức tạp, chị N có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Nêu lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D; anh D biết Tòa án đang giải quyết vụ án, nhưng anh D cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và hướng giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 48, 177, khoản 2 Điều 191, khoản 1 Điều 195, khoản 2 Điều 196, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Vũ Thị N và anh Giàng A D là vợ chồng. Giao cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Giàng A Q (sinh ngày 18/12/2010) và Giàng Thị Mai N (sinh ngày 26/5/2012), anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N. Về nợ chung: không có, về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng:

- Vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị N, Tòa án thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ Nều lần, nhưng anh D không chấp hành. Việc vắng mặt bị đơn Tòa án xác định là do cố tình trốn tránh, không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Giàng A D chung sống với nhau từ năm 2009; trong suốt quá trình chung sống thì anh, chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn là trái với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của pháp luật, đến thời điểm giải quyết vụ án thì chị N vẫn yêu cầu được ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị Vũ Thị N và anh Giàng A D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Tại các tài liệu có trong hồ sơ chị Vũ Thị N đề nghị được trực tiếp nuôi các con chung là cháu Giàng A Q (sinh ngày 18/12/2010) và Giàng Thị Mai N (sinh ngày 26/5/2012) đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Giàng A D Nều lần nhưng anh D cố tình không có mặt để lấy lời khai về việc nuôi con chung và các vấn đề khác. Hiện tại, con chung của anh chị đang ở cùng chị N, được chị N lo ăn học, chăm sóc chu đáo đầy đủ, các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Để đảm bảo mọi quyền lợi cho các cháu, để các cháu phát triển tốt nhất, cần chấp nhận yêu cầu của chị N và tiếp tục để con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi. Anh D có quyền thay đổi biện pháp nuôi con theo quy định và không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vũ Thị N khai không có nợ chung, còn tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xử lý trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Vừ Thị N và anh Giàng A D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao các cháu Giàng A Q (sinh ngày 18/12/2010) và Giàng Thị Mai N (sinh ngày 26/5/2012) cho chị Vừ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Giàng A D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Anh Giàng A D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vừ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí xin ly hôn đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0000723 ngày 19/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vừ Thị N, anh Giàng A D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã Nậm Ty;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lường Văn Quyết

